

Số: /2026/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách thành phố; cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào

dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

Xét Tờ trình số 185/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách thành phố; cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách thành phố; cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là *Chương trình*).

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.
2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:
 - a) Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025;
 - b) Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023;
 - c) Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023;

d) Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

3. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với ngân sách nhà nước năm 2025 (bao gồm cả nguồn vốn các năm 2021, 2022, 2023 và năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố chưa thực hiện, được phép chuyển nguồn sang năm 2026 để tiếp tục thực hiện và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ hoặc các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2025 chưa hoàn thành tại thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030, thì tiếp tục thực hiện theo các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng và Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành cho giai đoạn 2021-2025 và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Đối với ngân sách nhà nước từ năm 2026 trở đi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố mà chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu làm căn cứ quy định áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát từ khâu lập dự án, triển khai thực hiện đến nghiệm thu, bàn giao, quản lý, khai thác, sử dụng các công trình. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các bộ: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính, Nội vụ, Y tế, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế các bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Y tế, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND TP, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH Hải Phòng;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Các đại biểu HĐND TP khóa XVII;
- Các VP: TU, ĐDBQH & HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TTĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách thành phố; cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày / /2026
của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định:

1. Chi tiết khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035 (sau đây gọi tắt là Chương trình) về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách thành phố thực hiện Chương trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành, cơ quan ở thành phố (sau đây gọi tắt là sở, ngành); các xã, phường, đặc khu; các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình và cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững, không dàn trải; bố trí đủ vốn để hoàn thành dứt điểm từng công trình, dự án, nhiệm vụ theo tiến độ được phê duyệt, phát huy hiệu quả đầu tư và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Ưu tiên cho các địa phương còn nhiều khó khăn, có số lượng tiêu chí, nội dung tiêu chí xây dựng nông thôn mới đạt thấp, trong kế hoạch xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới (bao gồm phường, đặc khu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới), xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại hoặc các địa phương được thành phố lựa chọn thực hiện xây dựng điểm đạt chuẩn nông thôn mới, để hoàn thành các mục tiêu, tiêu chí theo lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ngân sách thành phố bố trí vốn đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư đối với các dự án, công trình, nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình. Ưu tiên vốn đầu tư

các công trình, dự án thiết yếu phục vụ lợi ích công cộng, các công trình có tính chất liên xã, liên vùng, có ý nghĩa kết nối, lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của khu vực nông thôn, có tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân nhằm đáp ứng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại.

4. Chỉ phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố cho các địa phương thực hiện xây dựng nông thôn mới hoặc các địa phương thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền.

5. Tổng kinh phí chi thường xuyên bố trí cho các sở, ban, ngành thành phố và các địa phương thực hiện Chương trình được xác định căn cứ vào các nội dung sau:

- a) Nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.
- b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu kinh phí để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- c) Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng thực hiện của các sở, ban, ngành và các địa phương; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi, đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho địa phương, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án và các nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.
- d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân kinh phí của các sở, ban, ngành thành phố và các địa phương của năm trước liền kề.

6. Bảo đảm lồng ghép, phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa nguồn vốn Chương trình với nguồn vốn bố trí cho các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án, dự án, nghị quyết của thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm tránh trùng lặp, chồng chéo, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư.

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố

1. Ngân sách thành phố đầu tư 100% công trình đường liên xã (là đường xã nối từ trung tâm hành chính của xã với xã lân cận); công trình thủy lợi trọng điểm, xung yếu.

2. Đối với các địa phương thực hiện xây dựng điểm đạt chuẩn nông thôn mới: Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương tối đa 100% tổng mức đầu tư các công trình, dự án nhằm hoàn thành các tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

3. Đối với các địa phương còn lại: Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu về ngân sách địa phương theo tiêu chí và định mức như sau:

a) Tiêu chí

STT	Tiêu chí (đối với từng địa phương)	Điểm tối đa (100 điểm)
1	Mức độ thiếu hụt tiêu chí nông thôn mới	55
a)	Đường giao thông	35
	Từ 50% trở lên tổng chiều dài đường xã chưa đạt tiêu chí	35
	Từ 40% đến dưới 50% tổng chiều dài đường xã chưa đạt tiêu chí	25
	Từ 30% đến dưới 40% tổng chiều dài đường xã chưa đạt tiêu chí	15
	Từ 5% đến dưới 30% tổng chiều dài đường xã chưa đạt tiêu chí	10
b)	Trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia	10
	Từ 50% trở lên số trường chưa đạt chuẩn quốc gia	10
	Từ 30% đến dưới 50% số trường chưa đạt chuẩn quốc gia	6
	Từ 10% đến dưới 30% số trường chưa đạt chuẩn quốc gia	3
c)	Trạm y tế xã chưa đạt tiêu chí	5
d)	Trung tâm văn hóa - thể thao xã chưa đạt tiêu chí	2
đ)	Từ 30% trở lên số nhà văn hóa, khu thể thao thôn chưa đạt tiêu chí	3
2	Theo đối tượng xã, phường, đặc khu	15
a)	Xã nhóm 1, phường, đặc khu	15
b)	Xã nhóm 2	10
3	Theo mục tiêu xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại	20
a)	Địa phương xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại trong giai đoạn 2026-2030	20
b)	Địa phương xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2026-2030	10
4	Tiêu chí ưu tiên	10
a)	Tỷ lệ nguồn vốn xã hội hóa trong tổng mức đầu tư các công trình giao thông từ 15% trở lên	10
b)	Tỷ lệ nguồn vốn xã hội hóa trong tổng mức đầu tư các công trình giao thông từ 10% đến dưới 15%	8
c)	Tỷ lệ nguồn vốn xã hội hóa trong tổng mức đầu tư các công trình giao thông từ 5% đến dưới 10%	5

b) Định mức phân bổ cho 01 (một) địa phương

$$\text{Tổng vốn phân bổ cho 01 địa phương} = \frac{\text{Tổng vốn đầu tư công bố trí cho các địa phương}}{\text{Tổng số điểm của các địa phương}} \times \text{Số điểm thực tế của 01 địa phương}$$

Trong đó, tổng vốn đầu tư công bố trí cho các địa phương được xác định như sau:

$$\text{Tổng vốn đầu tư bố trí cho các địa phương} = \text{Tổng vốn đầu tư bố trí cho Chương trình} - \text{Tổng vốn đầu tư các công trình đường liên xã; công trình thủy lợi trọng điểm, xung yếu} - \text{Tổng vốn đầu tư các công trình tại các địa phương thực hiện xây dựng điểm đạt chuẩn nông thôn mới}$$

Điều 5. Cơ chế thực hiện Chương trình

1. Cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

Thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cơ chế phân bổ vốn ngân sách thành phố

a) Hội đồng nhân dân thành phố quyết định giao dự toán, phân bổ vốn ngân sách thành phố theo tổng vốn Chương trình giai đoạn và hằng năm; Ủy ban nhân dân thành phố giao dự toán, phân bổ vốn cho các sở, ngành, các chủ đầu tư công trình đường liên xã; công trình thủy lợi trọng điểm, xung yếu và cho các địa phương theo tổng vốn Chương trình (chi tiết chi đầu tư và chi thường xuyên). Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình.

Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước quyết định điều chỉnh kinh phí, vốn (bao gồm các khoản chi được giao dự toán hằng năm và các khoản chi được chuyển nguồn từ năm trước sang theo quy định) từ các nội dung, hoạt động đã hết nhiệm vụ chi để thực hiện các nội dung, hoạt động khác thuộc Chương trình bảo đảm không vượt tổng mức, không làm thay đổi cơ cấu chi đầu tư, chi thường xuyên đã được cấp có thẩm quyền giao.

b) Các dự án thuộc Chương trình sử dụng nguồn vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách thành phố phải được lập, thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công hoặc thực hiện theo cơ chế đặc thù được Chính phủ ban hành trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân.

3. Cơ chế hỗ trợ

a) Ngân sách thành phố hỗ trợ cho các địa phương thực hiện các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, các địa phương bố trí vốn ngân sách xã, các nguồn vốn lồng ghép và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện hoàn thành Chương trình.

b) Việc hỗ trợ bảo đảm nguyên tắc không trùng lặp giữa các nội dung thuộc Chương trình và các Chương trình mục tiêu quốc gia khác; đồng thời phù hợp với tổ chức hành chính hai cấp, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước và huy động xã hội hóa.

c) Kinh phí quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình được trích từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trực tiếp cho Chương trình.

d) Cơ chế thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và các cơ chế, chính sách hiện hành của trung ương và thành phố có liên quan.

đ) Nội dung chi nguồn chi thường xuyên: thực hiện theo Thông tư số 60/2026/TT-BTC hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030; các hướng dẫn của Bộ Tài chính cho giai đoạn 2026-2030 và các cơ chế, chính sách hiện hành khác của trung ương và thành phố.

4. Cơ chế đầu tư thực hiện các công trình, dự án thuộc Chương trình

a) Chủ đầu tư các dự án thuộc Chương trình

Đối với dự án xây dựng hạ tầng trên địa bàn 01 xã, phường, đặc khu: Tùy theo điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao Phòng chuyên môn cấp xã hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã làm chủ đầu tư.

Đối với dự án, công trình đường liên xã; công trình thủy lợi trọng điểm, xung yếu: Ủy ban nhân dân thành phố lựa chọn, giao đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư phù hợp với tính chất và quy mô dự án.

b) Cơ chế đầu tư

Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan.

5. Cơ chế lồng ghép nguồn vốn, huy động các nguồn lực ngoài ngân sách

a) Cơ chế lồng ghép nguồn vốn: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

b) Cơ chế huy động các nguồn lực ngoài ngân sách: Thực hiện nguyên tắc "Nhà nước và Nhân dân cùng làm"; khuyến khích, tạo điều kiện huy động các nguồn lực hợp pháp từ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tham gia đầu tư, quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng công trình, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Người dân không bị bắt buộc đóng góp. Chỉ huy động đóng góp của người dân bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động để thực hiện Chương trình trên tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch, rõ trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật và không được huy động quá sức dân. Các khoản đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động được quy đổi giá trị để tính vào tổng mức đầu tư công trình nhưng không hạch toán thu - chi ngân sách nhà nước.

Điều 6. Chính sách trong thực hiện nâng cấp, mở rộng đường giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng tiền đối với giá trị của tài sản, vật kiến trúc phải tháo dỡ gắn liền với đất của người sử dụng đất tự nguyện tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại.

Mức hỗ trợ bằng 100% giá trị thiệt hại của tài sản, vật kiến trúc được xác định theo đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất.

2. Trường hợp diện tích đất ở còn lại sau khi hộ gia đình, cá nhân tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại mà không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định của pháp luật đất đai mà người dân có nhu cầu tặng cho cả phần diện tích đất ở còn lại đó thì được hỗ trợ như sau:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng tiền cho hộ gia đình, cá nhân tương ứng với giá trị toàn bộ diện tích đất đã tặng cho.

b) Mức hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường về đất theo quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

3. Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện chính sách quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính trong chi phí giải phóng mặt bằng của các công trình, dự án nâng cấp, mở rộng đường giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại.
